

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 20-01-2022

“V/v: T/c Thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Hồng Anh và ông Nguyễn Quang Tô.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:***  
Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-DS ngày 10/10/2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 144/2012/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị T** (đã chết ngày 11/12/2020).

*Do bà Trần Thị T đã chết nên Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn gồm:*

1. Ông Trần Viết X, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 31/13 Đường V, phường A, thành phố H; có mặt.

2. Bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Ông Trần Viết H (H1 Trần), sinh năm 1956; Địa chỉ: 907 Sandalwood Drive Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Kim A1, sinh năm 1958, chết năm 2005, có các con gồm:

4.1. Ông Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; vắng mặt.

4.2. Ông Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; vắng mặt.

4.3. Ông Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; vắng mặt;

4.4. Ông Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; vắng mặt;

4.5. Bà Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; vắng mặt;

4.6. Bà Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 34 Đường L, phường Đ, thành phố H.

5. Bà Trần Thị Ngọc A2, sinh năm 1960 (đã chết năm 2001), có các con gồm:

5.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: 89 Đường D, phường P1, thành phố H; vắng mặt.

5.2. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Lô B20 khu định cư P3, phường P3, thành phố H; có mặt.

6. Bà Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; Địa chỉ: Lô 60 khu định cư K, thành phố H; có mặt.

7. Bà Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; Địa chỉ: Lô A34 KDC P4, phường P4, thành phố H; có mặt.

8. Ông Trần Viết T3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 803 3rd Stree East, Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

9. Ông Trần Viết T4, sinh năm 1971, Địa chỉ: Số 803 3rd Stree Stree East Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

10. Ông Trần Viết D, sinh năm 1961; có mặt.

Địa chỉ: Số 23/33 Đường V, phường A, thành phố H.

- Bị đơn: **Ông Trần Viết D**, sinh năm 1961; có mặt.

Địa chỉ: Số 23/33 Đường V, phường A, thành phố H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Ông Trần Viết X, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 31/13 Đường V, phường A, thành phố H; có mặt.

2. Bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Ông Trần Viết H (H1 Trần), sinh năm 1956; Địa chỉ: 907 Sandalwood Drive Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Kim A1, sinh năm 1958, chết năm 2005, có các con gồm:

4.1. Ông Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985.

4.2. Ông Lê Trần Anh T, sinh năm 1990.

4.3. Ông Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995.

4.4. Ông Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995.

4.5. Bà Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992.

4.6. Bà Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số 34 Đường L, phường Đ, thành phố H. Đều vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Ngọc A2, sinh năm 1960 (đã chết năm 2001), có các con gồm:

5.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: 89 Đường D, phường P1, thành phố H; vắng mặt.

5.2. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Lô B20 khu định cư P3, phường P3, thành phố H; có mặt.

6. Bà Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; Địa chỉ: Lô 60 khu định cư K, thành phố H; có mặt.

7. Bà Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; Địa chỉ: Lô A34 KDC P4, phường P4, thành phố H; có mặt.

8. Ông Trần Viết T3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 803 3rd Stree East, Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

9. Ông Trần Viết T4, sinh năm 1971, Địa chỉ: Số 803 3rd Stree Stree East Altoona, W1 54720 USA; vắng mặt.

10. Bà Dương Thị L, sinh năm 1956; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Anh Trần Viết H6, sinh năm 1984; có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Chị Lê Đặng Thị Mỹ L1, sinh năm 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

13 Anh Trần Viết T5, sinh năm 1985; có mặt.

14. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1997; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 31/13 Đường V, phường A, thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, bản tự khai ngày 27/4/2020 Nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày:**

Bà T và chồng là ông Trần Viết T6 (chết năm 2008) có tạo lập được thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14 có diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21/33 Đường V, phường A, thành phố H. Quá trình chung sống tôi và ông T6 có 10 người con chung là: Trần Viết X, sinh năm 1952; Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; Trần Viết T3, sinh năm 1969; Trần Viết T4, sinh năm 1971; Trần Viết H (H1 Trần), sinh năm 1956; Trần Thị Kim A1 (đã chết, các con của Trần Thị Kim A1 bao gồm: Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984); Trần Thị Ngọc A2 (đã chết, các con của Trần Thị Ngọc A2 bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986) và Trần Viết D.

Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 139/15 Đường V1 cũ) nay là 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của vợ chồng bà Trần Thị T ông Trần Viết T6 tạo lập. Năm 2008, ông Trần Viết T6 chết, bà T cùng các con trong đó có ông Trần Viết D đã có thỏa thuận phân chia di sản của ông T6, giao cho bà quản lý và để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước số tiền còn nợ là 402.825.000 đồng (Bốn trăm linh hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Sau khi phân chia làm nghĩa vụ sang tên thì thống nhất sử dụng thửa đất để làm nhà thờ cha mẹ, ông bà tổ tiên nên con cháu đã lập văn bản từ chối thừa kế. Tuy nhiên, khi triển khai làm thủ tục phân chia tại Văn phòng công chứng thì ông Trần Viết D tự nhiên thay đổi và đòi quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phân chia di sản của ông T6 là quyền sử

dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo kỹ phần. Phần ông Trần Viết D nhận được quy ra bằng tiền. Bà T là người chịu trách nhiệm chi trả.

Đối với lời khai của Bị đơn ông D cho rằng tài sản mà bà Trần Thị T khởi kiện chia thừa kế là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà V. Bà Trần Thị T có ý kiến như sau: Nguyên trước đây vợ chồng bà Trần Thị T, Trần Viết T6 có tạo lập một lô đất với diện tích khoảng 750m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 139/15 Đường V1 cũ) nay là 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1999, vợ chồng bà T cắt 1 phần đất 500m<sup>2</sup> trong lô đất này bán lại cho vợ chồng con trai Trần Viết D với số tiền 200.000.000 đồng tương đương 40 lượng vàng, hình thức mua bán là bán giấy tay, trả góp hàng tháng. Năm 2004, vợ chồng bà T lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã bán cho vợ chồng cho con trai Trần Viết D. Ngày 05 tháng 06 năm 2004, vợ chồng bà T được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các thông tin sau: Thửa đất số 06, tờ bản đồ 14, diện tích 552m<sup>2</sup>. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà T tiến hành lập thủ tục công chứng để vợ chồng con trai Trần Viết D tiến hành sang tên. Như vậy, việc mua bán nhà đất giữa vợ chồng bà T và con trai Trần Viết D xem như hoàn tất. Việc mua bán đất là do vợ chồng bà T là chủ sử dụng đất đứng ra bán cho con trai trong gia đình không có ai tranh chấp. Quá trình sử dụng đất tại thửa đất nói trên, vợ chồng con trai Trần Viết D đã tách thành 4 thửa sau đó bán 03 thửa còn lại 01 thửa đất để ở cho đến thời điểm hiện tại. Còn vợ chồng bà T thì ở phần đất còn lại, liền kề với thửa của ông Trần Viết D diện tích khoảng 200m<sup>2</sup> cùng với vợ chồng con trai Trần Viết X và con trai Trần Viết T3. Về tài sản đang tranh chấp chia thừa kế: Năm 2008, ông Trần Viết T6 qua đời, bà T vẫn tiếp tục sống chung với con trai Trần Viết X và Trần Viết T3 tại thửa đất liền kề với thửa đất đã bán cho con trai Trần Viết D. Đến năm 2014, bà T tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất bà T đang ở với con trai Trần Viết X. Do nguồn gốc đất là của vợ chồng tạo lập nên theo quy định của pháp luật, bà T là người chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T6 (đã mất năm 2008). Ngày 05 tháng 06 năm 2014, UBND thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung sau: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; (do trước đây hạn mức đất ở 200m<sup>2</sup> đã được kê khai đăng ý cho thửa đất số 06 đã bán cho Trần Viết D, nên khi đăng ký thửa đất này hạn mức đất ở đã hết nên chỉ được cấp đất vườn. Do trên đất đã có nhà của con trai Trần Viết X, Trần Viết T3 xây dựng nên theo quy định buộc phải chuyển qua mục đích đất ở. Tại thời điểm đăng ký bà T không có tiền làm nghĩa vụ tài chính nên được ghi nợ với số tiền 402.825.000 đồng, trong thời hạn 5 năm. Hiện tại do tranh chấp nên chưa thực hiện việc thanh toán cho Nhà nước). Hiện trạng trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> đang tồn tại hai ngôi nhà. Ngôi nhà số 1 do ông Trần Viết T3 xây dựng; ngôi nhà số 2 do ông Trần Viết X xây dựng nên thuộc quyền sở hữu của ông X và ông T3. Hiện nay, do gia đình cần có đất ổn định để xây dựng nhà thờ cho con cháu có nơi đến để hương khói ông bà, tổ tiên, nhưng quá trình khai nhận thừa kế đã bị ông Trần Viết D tìm đủ mọi cách để cản trở, qua nhiều lần thương lượng, hòa giải trong gia đình nhưng không đạt kết quả bởi vì ông Trần Viết D cho rằng thửa đất này đã mua của cha mẹ. Hành vi của ông Trần Viết D là quá sai trái và tự ngạo nhận, không đúng với thực tế, việc chuyển nhượng 500m<sup>2</sup> giữa vợ chồng bà T cho ông Trần Viết D đã hoàn thành từ lâu, thửa đất số 07

bà T mới thực hiện đăng ký cấp Giấy chứng nhận năm 2014, nhưng từ năm 2000, bà T đã cho hai con trai Trần Viết X và Trần Viết T3 xây nhà ở ổn định, khi xây dựng nhà không có ai tranh chấp, khiếu kiện. Vì vậy, đề nghị Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật để phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 07 với diện tích 196,5m<sup>2</sup> cho những người thừa kế của ông Trần Viết T6 theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn - Ông Trần Viết D trình bày:**

Khởi tài sản là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H mà bà Trần Thị T khởi kiện, cho rằng thửa đất đó là của vợ chồng bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ, quyền sử dụng đất này là do vợ chồng ông D đã thực hiện việc mua bán bằng giấy viết tay với cha mẹ từ hơn 20 năm nay, do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông D để ba mẹ và một số anh chị em tạm thời được ở để ổn định cuộc sống, nhưng nay mẹ ông khởi kiện, ông mới được biết về việc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông đã bị ba mẹ của ông kê khai lúc nào ông không được hay biết. Trong thời gian qua, gia đình ông cũng xảy ra nhiều biến cố. Anh em, mẹ con tranh giành đất đai, vợ ông mang theo tài sản của gia đình bỏ đi khỏi nơi cư trú, trong khi tài sản mà bà Trần Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế lại là tài sản chung của vợ chồng ông (trước đây, hai vợ chồng ông cùng ký giấy mua bán đất). Do vậy, cần có ý kiến của vợ ông là bà Đặng Thị V trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, ông D đề nghị:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là ông Trần Viết T6 để lại là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 21 kiệt 33 đường V, phường A, thành phố H, bởi lẽ quyền sử dụng đất này là quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông D.

2. Về việc bổ sung thêm người tham gia tố tụng: Thời điểm ông D mua lại quyền sử dụng đất nói trên, vợ chồng ông Trần Viết D - bà Đặng Thị V cùng đứng tên trên giấy tờ mua bán, tài sản đó là tài sản chung của vợ chồng ông D. Do vậy, đề nghị Tòa án phải bổ sung bà Đặng Thị V vào tham gia tố tụng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự, đúng với quy định pháp luật.

3. Về việc tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu chứng cứ: Về mặt tinh thần lẫn sức khỏe hiện tại của cá nhân ông D hoàn toàn không đủ khả năng để tham gia tố tụng. Tinh thần không minh mẫn nên ông D không tìm kiếm được các văn bản chứng minh việc mua bán quyền sử dụng đất giữa ông D với bà Trần Thị T. Vì lẽ đó, ông D kính mong Tòa án xem xét, tạo điều kiện cho ông một khoảng thời gian để tập trung điều trị bệnh và thu thập tài liệu để cung cấp tài liệu cho Tòa án, phục vụ công tác giải quyết vụ án được khách quan, chính xác.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Trần Viết T5 trình bày:**

Nguyên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 139/15 Đường V1 (nay là 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do ông nội anh là ông Trần Viết T6 và bà nội anh là bà Trần Thị T tạo lập. Năm 2008, ông Trần Viết T6 qua đời. Quá trình sử dụng đất bà nội anh đã cho bố của

anh là ông Trần Viết X và chú của anh là ông Trần Viết T3 xây dựng nhà ở đồng thời chăm sóc, nuôi dưỡng bà nội anh cho đến khi bà nội anh mất. Hiện trên thửa đất này có hai ngôi nhà: Ngôi nhà số 1 do ông Trần Viết T3 xây dựng; ngôi nhà số 2 do bố mẹ anh là ông Trần Viết X, bà Dương Thị L xây dựng. Hiện vợ chồng anh đang ở trong nhà cùng bố mẹ anh và anh không có ý kiến gì về hai ngôi nhà này.

Do ông nội anh là ông Trần Viết T6 chết không để lại di chúc, nên bà nội anh là bà Trần Thị T khởi kiện để chia thừa kế phần di sản của ông Trần Viết T6 có trong khối tài sản chung của ông Trần Viết T6 với bà Trần Thị T là thửa đất nêu trên. Anh T5 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 11 tháng 12 năm 2020, bà Trần Thị T chết theo Giấy chứng tử số 125/TLKT do UBND phường A cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020. Trước khi chết, bà Trần Thị T có lập di chúc vào ngày 11 tháng 10 năm 2019, số công chứng 890 tại Văn phòng Công chứng Hồ Phi Hùng, địa chỉ số 64 Đường K, thành phố H với nội dung để lại cho anh T5 tài sản là phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị T có trong khối tài sản chung của bà Trần Thị T với những người thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T6 và anh T5 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản là thanh toán một phần tiền sử dụng đất tương ứng với tài sản nhận được từ thừa kế. Vì vậy, anh T5 xin nhận phần di sản thừa kế và nghĩa vụ về tài sản của bà Trần Thị T đã di chúc lại cho anh. Về thực hiện nghĩa vụ theo di chúc giao cho anh có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ một phần tiền sử dụng đất mà trước đây theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi nợ đối với ông Trần Viết T6 và bà Trần Thị T với số tiền nợ sử dụng đất là 402.825.000 đồng, nợ lệ phí trước bạ là 4.028.000 đồng, tổng nợ hai khoản là 406.853.000 đồng. Ngày 24/02/2021, anh T5 đã thực hiện trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính số 371/TB-CCT của Chi Cục Thuế thành phố H với số tiền sử dụng đất: 402.825.000 đồng, lệ phí trước bạ 4.779.000 đồng tổng hai khoản đã nộp: 407.604.000 đồng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn:**

- Ông Trần Viết X trình bày: Nguyên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 139/15 Đường V1 (nay là 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do bố mẹ của ông X là ông Trần Viết T6 và bà Trần Thị T tạo lập đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BT 197105 ngày 05 tháng 06 năm 2014. Năm 2008, ông Trần Viết T6 qua đời. Quá trình sử dụng đất bà T cho ông X và ông Trần Viết T3 xây dựng nhà ở. Hiện trên thửa đất này có hai ngôi nhà: Ngôi nhà số 1 do em trai của ông X là Trần Viết T3 xây dựng; ngôi nhà số 2 do vợ chồng ông X xây dựng. Hiện vợ chồng ông X đang quản lý hai ngôi nhà này. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông X đề nghị Tòa án giải quyết chia cho ông X phần di sản là quyền sử dụng đất của bố ông để lại theo phần thừa kế mà ông được hưởng và ông tặng cho lại cho con trai là Trần Viết T5, anh T5 có nghĩa vụ thực hiện thanh toán tiền sử dụng đất tương ứng với phần tài sản của ông X được hưởng.

- Chị Nguyễn Thị Như Q, Trần Viết H6, Lê Đặng Thị Mỹ L1 trình bày: Về nguồn gốc thửa đất thống nhất như lời khai của anh Trần Viết T5. Việc phân chia

thừa kế thì những người này không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; Trần Việt T3, sinh năm 1969; Trần Việt T4, sinh năm 1971; Trần Việt H (H1 Trần), sinh năm 1956; Trần Thị Kim A1 (đã chết, các con của Trần Thị Kim A1 bao gồm: Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984); Trần Thị Ngọc A2 (đã chết, các con của Trần Thị Ngọc A2 bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986) đều thống nhất như lời khai của bà T và đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T.

*Tại biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2020, xác định giá trị thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại 21/33 Đường V, phường A, thành phố H cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 197105 của UBND thành phố H cấp ngày 05/6/2014 như sau:*

- Giá trị đất theo giá Nhà nước: Thửa đất vị trí: 2; loại đường 3A; Đơn giá: 12.880.000 đồng/m<sup>2</sup>; hệ số 1:1. Giá trị toàn bộ diện tích theo giá trị Nhà nước: 196,5m<sup>2</sup> × 12.880.000 đồng/m<sup>2</sup> × 1.1 = 2.784.012.000 đồng.

- Giá trị đất khảo sát giá thị trường: Qua khảo sát giá thị trường và tham khảo ý kiến đại diện của UBND phường A, giá thị trường tại khu vực này có giá bình quân là 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị toàn bộ diện tích đất theo giá khảo sát thị trường là: 196,5m<sup>2</sup> × 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 3.930.000.000 đồng.

Ông D không đồng ý với giá trị đất theo giá thị trường do Hội đồng định giá xác định là 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> mà theo ông giá trị đất theo giá thị trường là 25.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng đất là tài sản chung của vợ chồng ông, còn tài sản trên đất không phải của ông và ông D cũng không yêu cầu định giá, đo đạc lại.

*Tại Công văn 338/CNVPĐKĐĐ của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H về việc cung cấp thông tin như sau:*

- Đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H: Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 14, trang số 127 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T (Đại diện thừa kế) ngày 05/6/2014. Ngày 08/3/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Thông báo số 371/TB-CCT ngày 24/02/2021 về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ của Chi cục Thuế thành phố H. Chưa phân chia di sản thừa kế không được thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất.

- Đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H: Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 04, trang số 126 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14 diện tích 552,0m<sup>2</sup> (trong đó: 200m<sup>2</sup> đất ở + 352,0m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp

Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết T6 - Trần Thị T ngày 22/9/2004. Ngày 08/11/2004, UBND thành phố xác nhận thay đổi chủ sử dụng đất cho ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị V. Ngày 17/3/2015, thể hiện thu hồi vào sổ quyền số 14 trang số 181. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 14, trang số 181 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14 (trong đó: 200m<sup>2</sup> đất ở + 352,0m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết D, Đặng Thị V ngày 17/3/2015. Ngày 18/5/2015, xác nhận chuyển mục đích sử dụng đất từ 50m<sup>2</sup> đất nông nghiệp sang đất ở. Vậy tổng diện tích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 250m<sup>2</sup> đất ở + 302,0m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

Ngày 25/6/2015, thể hiện thể thu hồi vào sổ quyền số 15 trang số 68 và 69. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 15, trang số 68 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m<sup>2</sup> (trong đó: 88,0m<sup>2</sup> đất ở + 10,7m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Phạm Ánh H6 - Nguyễn Thị G ngày 25/6/2015.

Ngày 10/8/2016, thể hiện thể thu hồi vào sổ quyền số 16 trang số 173. Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 16, trang số 173 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Lê Công V1 - Nguyễn Thị T6 ngày 09/8/2016.

Qua kiểm tra Sổ địa chính của phường A, thành phố H tại Quyền số 15, trang số 69 tính đến 10 giờ 00 phút ngày 07/7/2021 thể hiện: Thửa đất số 35 (6-1), tờ bản đồ số 14, diện tích 453,3m<sup>2</sup> (trong đó: 162,0m<sup>2</sup> đất ở + 291,3m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị V ngày 25/6/2015. Ngày 07/3/2016, xác nhận chuyển mục đích sử dụng đất từ 200,0m<sup>2</sup> đất nông nghiệp sang đất ở. Vậy tổng diện tích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 362,0m<sup>2</sup> đất ở + 91,3m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

Đối với việc có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T không thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố. Vụ việc đã được Tòa án thụ lý giải quyết, đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Kèm theo văn bản trả lời, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H cung cấp hồ sơ như sau:

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) của ông, bà Trần Viết T6 - Trần Thị T tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2004)

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) của ông, bà Trần Viết T6 - Trần Thị T tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, diện tích 552,0m<sup>2</sup> tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2004.



- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ đăng ký biến động của ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị V tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H xác nhận thay đổi chủ sử dụng đất ngày 08/11/2004.

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Trần Viết D - Đặng Thị V tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 14, diện tích 552,0m<sup>2</sup> tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 17/3/2015.

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận ông, bà Phạm Ánh H6 - Nguyễn Thị G tại thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14 diện tích 98,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 25/6/2015.

- Bản phô tô có đóng dấu treo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Lê Công V1 - Nguyễn Thị T6 tại thửa đất số 37 (6-2), tờ bản đồ số 14, diện tích 98,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại 23 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 09/8/2016.

*Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Anh Trần Viết T5 tự nguyện chịu toàn bộ. Anh T5 đã nộp đủ.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế. Chia 1/2 di sản thừa kế của ông Trần Viết T6 để lại sau khi đã trừ phần nghĩa vụ chịu thuế về chuyển đổi quyền sử dụng đất bằng giá trị hiện vật cho Bà T và 10 người con của ông T6 và bà Trần Thị T. Đối với 08 kỷ phần của 08 người con của ông T6 bà T không nhận di sản giao cho anh T5 quản lý. Kỷ phần được chia tương ứng với giá trị định giá tại thời điểm năm 2019. Quyền sử dụng đất giao cho anh T5 liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước lập thủ tục đăng ký. Đề nghị miễn án phí phần của bà T được nhận, những người còn lại phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị được nhận. Về tài sản là quyền sử dụng đất ½ diện tích đất nói trên và kỷ phần của bà T được hưởng trong khối di sản chung do ông T6 chồng bà T để lại, bà T được hưởng và bà đã lập văn bản tặng cho anh Trần Viết T5 nên cần chấp nhận ý kiến của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị T có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Viết T6 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Vụ án có nhiều người tham gia tố tụng hiện đang định cư ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa

Thiên Huế theo quy định tại theo quy định tại khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị L, anh Trần Viết H6, chị Lê Đặng Thị Mỹ L1, chị Nguyễn Thị Như Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án ngày 06/5/2020 giữa bà Trần Thị T và anh Trần Viết T5 và Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa bà Trần Thị T và ông Hoàng Kiến A5 lập ngày 06/02/2020, Tòa án sơ thẩm đã xác định: *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Anh Trần Viết T5, sinh năm 1985; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Kiến A5.* Tuy nhiên vào ngày 11 tháng 12 năm 2020, Nguyên đơn bà Trần Thị T chết theo Giấy chứng tử số 125/TLKT do UBND phường A cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020. Do đó, các Hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án giữa bà Trần Thị T và anh Trần Viết T5 và Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa bà Trần Thị T và ông Hoàng Kiến A5 đương nhiên chấm dứt theo quy định tại khoản 3 Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 73, Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án.

Ông Trần Viết X, sinh năm 1952; bà Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; bà Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; ông Trần Viết T3, sinh năm 1969; ông Trần Viết T4, sinh năm 1971; ông Trần Viết H (H1 Trần), sinh năm 1956 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trần Thị Kim A1 (đã chết), các con của Trần Thị Kim A1 bao gồm: Lê Trần Anh Q, Lê Trần Anh T, Lê Trần Anh H2, Lê Trần Anh H3, Lê Thị Diệu H4, Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984. Bà Trần Thị Ngọc A2 (đã chết), các con của Trần Thị Ngọc A2 bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, Nguyễn Xuân T2 đều là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Trần Viết D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn và đồng thời là Bị đơn trong vụ án.

Anh Trần Viết T5 và những người sống trên đất đang tranh chấp là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Trần Viết T6 (chết năm 2008), thời điểm mở thừa kế là năm 2008; vào năm 2019, bà Trần Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T6 là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14 có diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21/33 Đường V, phường A, thành phố H. Di sản là bất động sản nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

## [2.2] Xác định di sản thừa kế:

Bị đơn Ông D cho rằng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14 có diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21/33 Đường V, phường A, thành phố H là của vợ chồng ông T6, bà T đã bán cho vợ chồng ông vào năm 1999 nên đây là tài sản chung của ông D và bà V. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2004, vợ chồng bà T lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 552m<sup>2</sup>. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T6 và bà T, vợ chồng bà T tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 552m<sup>2</sup> để vợ chồng con trai Trần Viết D tiến hành sang tên là Thửa đất số 06, tờ bản đồ 14, diện tích 552m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Trần Viết D đã tách thành 4 thửa sau đó bán 03 thửa còn lại 01 thửa đất để ở cho đến thời điểm hiện tại. Tại phiên tòa ông D khai rằng vợ chồng ông mua toàn bộ thửa đất bao gồm cả phần diện tích đất đang tranh chấp, ông D thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp đang do ông Trần Viết X sử dụng làm nhà ở kiên cố, ông không tranh chấp tài sản trên đất. Tại phiên tòa ông cũng khai quá trình làm nhà ở của ông X từ san hồ đến khi làm xong nhà ở ông D hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Căn cứ vào bản tự khai của bà T được lập vào ngày 27/4/2020 thể hiện: Đối với thửa thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiết 33 Đường V, phường A, thành phố H là thửa đất liền kề với thửa đất của ông Trần Viết D đã nhận chuyển nhượng của ông T6 bà T. Thửa đất trên có nguồn gốc là của vợ chồng bà T tạo lập. Ngày 05 tháng 06 năm 2014, UBND thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung sau: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất (do trước đây hạn mức đất ở 200m<sup>2</sup> đã được kê khai đăng ý cho thửa đất số 06 đã bán cho Trần Viết D, nên khi đăng ký thửa đất này hạn mức đất ở đã hết nên chỉ được cấp đất vườn. Do trên đất đã có nhà ở của con trai Trần Viết X, Trần Viết T3 xây dựng nên theo quy định buộc phải chuyển qua mục đích đất ở. Tại thời điểm đăng ký bà T không có tiền làm nghĩa vụ tài chính nên được ghi nợ với số tiền 402.825.000 đồng, trong thời hạn 5 năm.

Tại Công văn 338/CNVPĐKĐĐ của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thống nhất như lời khai của bà T.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiết 33 Đường V, phường A, thành phố H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận ngày 22/9/2014 mang tên Trần Thị T và là người chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Viết T6 (đã mất năm 2008).

Về thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi nợ đối với ông Trần Viết T6 và bà Trần Thị T với số tiền nợ sử dụng đất là 402.825.000 đồng, nợ lệ phí trước bạ là 4.028.000 đồng, tổng nợ hai khoản là 406.853.000 đồng. Ngày 24/02/2021, anh Trần Viết T5 đã thực hiện trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính số 371/TB-CCT của Chi Cục Thuế thành phố H với số tiền sử dụng đất: 402.825.000 đồng, lệ phí trước bạ 4.779.000 đồng tổng hai khoản đã nộp: 407.604.000 đồng. Do đó số tiền trên cần được trừ vào giá trị quyền sử dụng đất của ông T6 bà T để thanh toán lại cho anh Trần Viết T5.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2020. Giá trị quyền sử dụng đất  $196,5\text{m}^2$  là:  $196,5\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 3.930.000.000 \text{ đồng}$ .

Sau khi trừ đi số tiền là nghĩa vụ tài chính của ông T6, bà T với Nhà nước để trả lại cho anh T5. Giá trị quyền sử dụng đất của ông T6 bà T còn lại là 3.522.396.000 đồng (3.930.000.000 đồng - 407.604.000 đồng)

Di sản thừa kế của ông Trần Viết T6 là  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng diện tích đất  $196,5\text{m}^2$  là  $98,25\text{m}^2$  có giá trị  $(3.522.396.000 \text{ đồng} : 2 = 1.761.198.000 \text{ đồng})$

Đối với tài sản trên đất là 02 ngôi nhà do vợ chồng ông Trần Viết X và ông Trần Viết T3 xây dựng. Ông Trần Viết D cũng thừa nhận tài sản trên đất không phải là của ông và không phải là tài sản do cha mẹ ông để lại nên tài sản trên đất không tính vào di sản thừa kế.

[2.3] Về hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Viết T6:

Năm 2008, ông Trần Viết T6 chết không để lại di chúc. Những người thừa kế theo pháp luật của ông T6 bao gồm: Bà Trần Thị T và 10 người con chung là: Trần Viết X, sinh năm 1952; Trần Thị Tuyết A3, sinh năm 1963; Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1954; Trần Thị Thùy A4, sinh năm 1965; Trần Viết T3, sinh năm 1969; Trần Viết T4, sinh năm 1971; Trần Viết H (H1 Trần), sinh năm 1956; Trần Thị Kim A1 (đã chết, các con của Trần Thị Kim A1 bao gồm: Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984); Trần Thị Ngọc A2 (đã chết, các con của Trần Thị Ngọc A2 bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986) và Trần Viết D.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế của ông Trần Viết T6 theo pháp luật:

Di sản của ông T6 chia cho 11 người trong hàng thừa kế thứ nhất, giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là:  $1.761.198.000 \text{ đồng} : 11 = 160.108.909, 09 \text{ đồng}$ .

- Do các ông, bà Trần Thị Tuyết A3; Trần Thị Hoàng A; Trần Thị Thùy A4; Trần Viết T3; Trần Viết T4; Trần Viết H (H1 Trần); các con của Trần Thị Kim A1 (bao gồm: Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984); các con của Trần Thị Ngọc A2 (bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986) đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T quản lý, không yêu cầu chia thừa kế nên được xác định là tài sản chung chưa có yêu cầu phân chia.

Tổng giá trị của 08 kỷ phần thừa kế của các ông bà có tên trên được nhận có giá trị là:  $160.108.909, 09 \text{ đồng} \times 8 = 1.280.871.272,70 \text{ đồng}$ . (làm tròn thành 1.280.871.000 đồng).

Tạm giao số tiền 1.280.871.272,70 đồng là tài sản chung của các ông bà có tên nêu trên cho anh Trần Viết T5 quản lý. Sau này nếu có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Kỷ phần thừa kế của ông Trần Viết D được nhận có giá trị là 160.108.909, 09 đồng

- Ký phần thừa kế của ông Trần Viết X được nhận có giá trị là 160.108.909, 09 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Viết X đồng ý tặng cho anh Trần Viết T5.

- Ký phần thừa kế của bà Bà Trần Thị T được nhận có giá trị là 160.108.909, 09 đồng được giao cho anh Trần Viết T5 theo di chúc.

[2.5] Về di sản thừa kế của Bà Trần Thị T theo di chúc:

Bà T chết vào ngày 11 tháng 12 năm 2020, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Viết T5 yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T theo di chúc lập ngày 11/10/2019.

Xét tính hợp pháp của Di chúc thấy rằng Bà Trần Thị T lập di chúc ngày 11/10/2019 là di chúc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự do đó Di chúc hợp pháp. Nội dung của di chúc thể hiện cho anh Trần Viết T5 là người được hưởng di sản của Bà T nên anh Trần Viết T5 là người thừa kế theo di chúc của bà T.

Di sản của bà Trần Thị T mà anh Trần Viết T5 được hưởng bao gồm tài sản riêng của bà T là quyền sử dụng đất  $98,25m^2$  có giá trị là 1.761.198.000 đồng và ký phần thừa kế của bà Bà Trần Thị T được hưởng của ông T6 có giá trị là 160.108.909, 09 đồng. Tổng giá trị tài sản  $1.761.198.000 \text{ đồng} + 160.108.909, 09 \text{ đồng} = 1.921.306.909,09 \text{ đồng}$ .

- Ký phần thừa kế của ông Trần Viết X được nhận có giá trị là 160.108.909, 09 đồng, ông X đồng ý tặng cho anh Trần Viết T5.

Như vậy tổng tài sản anh Trần Viết T5 được nhận là:  $1.921.306.909,09 \text{ đồng} + 160.108.909, 09 \text{ đồng} = 2.081.415.818,2 \text{ đồng}$  (làm tròn thành 2.081.415.800 đồng)

Do hiện nay trên diện tích đất  $196,5m^2$  tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H vợ chồng ông Trần Viết X và ông Trần Viết T3 đã xây dựng 02 nhà ở kiên cố, việc tháo dỡ là ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của 02 ngôi nhà do đó Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích đất  $196,5m^2$  cho anh Trần Viết T5 quản lý sử dụng. Anh T5 có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trần Viết D số tiền là 160.108.909, 09 đồng (làm tròn thành 160.109.000 đồng) (Ký phần thừa kế của ông Trần Viết D được hưởng của ông T6).

[3] Về chi phí định giá, đo đạc, thẩm định: Anh Trần Viết T5 tự nguyện chịu, đã nộp đủ và chi phí hết cho việc định giá đo đạc thẩm định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Viết T5 phải chịu án phí ứng với giá trị tài sản được nhận:  $72.000.000 \text{ đồng} + (81.415.818,2 \text{ đồng} \times 2\%) = 73.628.316,36 \text{ đồng}$  làm tròn thành 73.628.000 đồng.

Ông Trần Viết D phải chịu án phí ứng với giá trị tài sản được nhận là 160.108.909,09 đồng. Án phí phải chịu:  $160.108.909,09 \text{ đồng} \times 5\% = 8.005.445,45 \text{ đồng}$  làm tròn thành 8.005.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, Điều 623, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết X.

1. Xác định di sản thừa kế của ông Trần Viết T6 và Trần Thị T là quyền sử dụng đất thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có giá trị 3.930.000.000 đồng. Thanh toán trả tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho anh Trần Viết T5 đã nộp thay cho bà T là 407.604.000 đồng. Giá trị di sản còn lại là 3.522.396.000 đồng.

2. Do các ông, bà Trần Thị Tuyết A3; Trần Thị Hoàng A; Trần Thị Thùy A4; Trần Viết T3; Trần Viết T4; Trần Viết H (H1 Trần); các con của Trần Thị Kim A1 (bao gồm: Lê Trần Anh Q, sinh năm 1985; Lê Trần Anh T, sinh năm 1990; Lê Trần Anh H2, sinh năm 1995; Lê Trần Anh H3, sinh năm 1995; Lê Thị Diệu H4, sinh năm 1992; Lê Thị Diệu H5, sinh năm 1984); các con của Trần Thị Ngọc A2 (bao gồm: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1986) đều có văn bản từ chối nhận thừa kế và giao cho bà Trần Thị T quản lý, không yêu cầu chia thừa kế nên được xác định là tài sản chung chưa có yêu cầu phân chia nên tạm giao số tiền 1.280.871.000 đồng là tài sản chung của các ông bà có tên nêu trên cho anh Trần Viết T5 quản lý. Sau này nếu có đương sự yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Anh Trần Viết T5 có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Trần Viết D số tiền 160.109.000 đồng.

4. Giao cho anh Trần Viết T5 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 14, diện tích 196,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 21 kiệt 33 Đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có sơ đồ kèm theo).

Anh T5 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy theo quy định của pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Viết T5 phải chịu 73.628.000 đồng.

Buộc ông Trần Viết D phải chịu 8.005.000 đồng.

6. Lệ phí định giá, đo đạc, thẩm định: Anh Trần Viết T5 tự nguyện chịu chi phí này, đã nộp đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn

phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Chi Cục THADS TP Huế
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hưng Bính**